

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **09/2022/DS-ST**
Ngày 11-02-2022
V/v tranh chấp hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ý

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Huy Quang
Ông Trần Công Đăng

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Anh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hên - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2021/TLST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2021/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 11, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn:

1. Bà Trần Tố A, sinh năm 1972 (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Văn P (Thanh P), sinh năm 1972 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 11, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Ông có tham gia 02 dây hội do bà Trần Tố A và ông Nguyễn Văn P làm chủ, cụ thể như sau:

1. Dây hội mở ngày 14/01/2018 âm lịch, loại hội 2.000.000 đồng, mỗi tháng khai một kỳ, tổng số 28 phần, ông tham gia 01 phần. Ông đã đóng hội cho bà Tố A và ông P từ tháng 01/2018 âm lịch đến khi mãn hội tháng 4/2021 âm lịch là 27

tháng với tổng số tiền 54.000.000 đồng, ông đồng ý trừ tiền hoa hồng là 1.000.000 đồng, bà Tổ A và ông P đã trả cho ông 40.000.000 đồng nên còn nợ ông 13.000.000 đồng.

2. Dây hội mở ngày 25/9/2019 âm lịch, loại hội 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai hai kỳ, tổng số 37 phần, ông tham gia 02 phần. Ông đã đóng hội cho bà Tổ A và ông P từ ngày 25/9/2019 âm lịch đến khi đình hội tháng 6/2020 âm lịch là 18 tháng với tổng số tiền 36.000.000 đồng.

Bà Tổ A và ông P còn nợ ông tổng số tiền của hai dây hội là 49.000.000 đồng. Do đó, ông yêu cầu bà Tổ A và ông P phải có trách nhiệm trả cho ông 49.000.000 đồng.

Tại phiên tòa ông Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà Tổ A và ông P trả số tiền 49.000.000 đồng. Ông trình bày không nhớ rõ số tiền thực tế đã đóng trong từng kỳ khai hội. Thông tin về số tiền bỏ thăm tại các kỳ khai hội là do ông hỏi các hội viên khác cùng tham gia. Đối với dây hội mở ngày 14/01/2018 âm lịch, bà Tổ A và ông P đã trả cho ông số tiền 40.000.000 đồng sau ngày khai hội khoảng nửa tháng. Đối với dây hội mở ngày 25/9/2019 âm lịch, thực tế khai hội 18 kỳ nhưng ông chỉ đóng 16 kỳ do bà Tổ A và ông P không đến gom hội. Hai kỳ khai cuối cùng do ai kêu hót, giá bao nhiêu thì ông không xác định được. Thời gian đình hội của dây hội này ông cũng không nhớ rõ.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn đúng theo quy định pháp luật nhưng bà Trần Tổ A và ông Nguyễn Văn P không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật, riêng bị đơn không thực hiện đúng theo quy định. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 468, 471 của Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ, buộc bà Trần Tổ A và ông Nguyễn Văn P trả cho ông Đ số tiền hội thực tế đã đóng và tiền lãi theo lãi suất luật định, các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Trần Tổ A và ông Nguyễn Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Tổ A và ông P.

[2] Về quan hệ pháp luật:

Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hội và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ thấy rằng:

Giao dịch giữa các đương là giao dịch dân sự về hội có lãi, mặc dù có lập Tờ giao kèo thể hiện rõ các thành viên và phương thức tham gia nhưng không thể hiện cụ thể nội dung thỏa thuận của các bên, trách nhiệm khi vi phạm nghĩa vụ và sau khi bà Tổ A tuyên bố đình hội các đương sự cũng không thực hiện đối chiếu nợ. Do đó, khi phát sinh tranh chấp cần áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự để điều chỉnh về lãi hội nhằm đảm bảo nguyên tắc tổ chức hội là không tổ chức để cho vay lãi nặng mà nhằm mục đích tương trợ lẫn nhau giữa những người tham gia. Đối với số tiền thực tế đã đóng tại các kỳ khai hội, do bị đơn không có ý kiến nên Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của nguyên đơn sau khi nguyên đơn trao đổi với các hội viên cùng tham gia. Dây hội mở ngày 14/01/2018 âm lịch có 01 kỳ khai hội của hội viên Phòng, dây hội mở ngày 25/9/2019 âm lịch có 02 kỳ khai cuối cùng, nguyên đơn không xác định được số tiền bỏ thăm nên Hội đồng xét xử xác định giá trung bình của các kỳ khai hội làm cơ sở giải quyết. Cụ thể như sau:

* Đối với dây hội mở ngày 14/01/2018 âm lịch, Hội đồng xét xử xác định số tiền thực tế ông Đ đã đóng là 34.510.000 đồng, thời gian đóng lần cuối là tháng 3 năm 2020 âm lịch. Bà Tổ A và ông P đã trả cho ông Đ số tiền 40.000.000 đồng sau ngày khai khoảng nửa tháng. Như vậy trong dây hội này bà Tổ A, ông P đã trả cho ông Đ nhiều hơn số tiền ông Đ đã đóng và phần tiền lãi cao hơn pháp luật quy định. Do đó không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền 13.000.000 đồng, đồng thời bị đơn không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét về phần lãi hội đã trả.

* Đối với dây hội mở ngày 25/9/2019 âm lịch, số tiền thực tế ông Đ đã đóng là 20.088.000 đồng, thời gian đóng lần cuối là của kỳ khai hội ngày 10/4/2020 âm lịch (tháng 4 sau do năm 2020 nhuận hai tháng 4).

Thời điểm tính lãi được xác định từ thời gian đóng hội lần cuối đến ngày xét xử sơ thẩm là 09 tháng, số tiền lãi bằng: $20.088.000 \text{ đồng} \times 1,66\% \times 9 \text{ tháng} = 3.001.000 \text{ đồng}$. Số tiền theo yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận trong dây hội này là $20.088.000 \text{ đồng} + 3.001.000 \text{ đồng} = 23.089.000 \text{ đồng}$.

Do bà Trần Tổ A và ông Nguyễn Văn P vẫn còn là vợ chồng nên phải cùng có nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ bà Tổ A và ông P nhưng vẫn vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến nên xem như bị đơn từ bỏ quyền của mình và cố tình trốn tránh nghĩa vụ với nguyên đơn.

Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đ, buộc bà Tổ A và ông P phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đ số tiền 23.089.000 đồng.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Tổ A, ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% tương ứng với số tiền theo yêu cầu của ông Đ được Tòa án chấp nhận cụ thể: 23.089.000 đồng x 5% = 1.154.000 đồng.

Ông Đ phải án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% tương ứng với số tiền theo yêu cầu của ông không được Tòa án chấp nhận cụ thể: 25.911.000 đồng x 5% = 1.296.000 đồng.

[6] Ông Nguyễn Văn Đ có mặt từ lúc bắt đầu phiên tòa nhưng vắng mặt lúc tuyên án vẫn được xác định là có mặt tại phiên tòa để tính thời hạn kháng cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 468, Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, họ, hui, biêu, phurong,

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ. Buộc bà Trần Tổ A và ông Nguyễn Văn P có nghĩa vụ trả ông Nguyễn Văn Đ số tiền 23.089.000 (hai mươi ba triệu không trăm tám mươi chín nghìn) đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ về việc yêu cầu bà Trần Tổ A và ông Nguyễn Văn P trả số tiền 25.911.000 (hai mươi lăm triệu chín trăm mười một nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về án phí:

Bà Trần Tổ A và ông Nguyễn Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.154.000 (một triệu một trăm năm mươi bốn nghìn) đồng (chưa nộp).

Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là 1.296.000 (một triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn) đồng. Ông Nguyễn Văn Đ đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.225.000 (một triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0006330 ngày 31 tháng 5 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự

huyện U, tỉnh Cà Mau được chuyển thu, ông Đ phải nộp tiếp số tiền 71.000 (bảy mươi một nghìn) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ông Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Tố A, ông P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Ý